



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1201011772	Đào Phương	Anh	02/03/2006	TC12A	Nữ	01		6,5	Anh	
2	000002	1201011153	Đỗ Quỳnh	Anh	27/09/2006	TC12A	Nữ	01		5,0	Anh	
3	000003	1201011154	Đới Thị Phương	Anh	05/03/2005	TC12A	Nữ	01		3,0	P. Anh	
4	000004	1201011161	Lê Thế	Anh	27/05/2005	TC12A	Nam	01		7,0	Anh	
5	000005	1201011166	Ngô Thu	Anh	18/07/2006	TC12A	Nữ	01		2,0	Anh	
6	000006	1201011173	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2006	TC12A	Nữ	01		4,5	Anh	
7	000007	1201011677	Lê Hồng	Ánh	30/11/2006	TC12A	Nữ	01		5,0	A. ánh	
8	000008	1201011195	Đỗ Khánh	Chi	24/08/2006	TC12A	Nữ	01		5,5	Chi	
9	000009	1201011203	Đỗ Tiến	Đạt	28/12/2006	TC12A	Nam	01		5,0	Đạt	
10	000010	1201011209	La Thị Thu	Dung	23/07/2006	TC12A	Nữ	01		5,5	Dung	
11	000011	1201011218	Trần Thuỳ	Dương	09/05/2006	TC12A	Nữ	01		1,5	Dương	
12	000012	1201011219	Nguyễn Khánh	Duy	06/10/2006	TC12A	Nam	01		7,0	Duy	
13	000013	1201011222	Phạm Thị Mỹ	Duyên	18/03/2006	TC12A	Nữ	01		4,5	Duyên	
14	000014	1201010812	Nguyễn Thái	Hà	30/09/2006	TC12A	Nam	01		6,0	Hà	
15	000015	1201011231	Vũ Thị Thu	Hà	27/07/2006	TC12A	Nữ	01		3,0	Hà	
16	000016	1201011241	Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	Nữ	01		1,5	Hằng	
17	000017	1201011257	Nguyễn Minh	Hiếu	16/04/2006	TC12A	Nam	01				HP,ĐK
18	000018	1201011264	Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	TC12A	Nữ	01		3,5	Hoài	
19	000019	1201011588	Hoàng Thị	Huệ	21/06/2006	TC12A	Nữ	01		5,5	Huệ	
20	000020	1201011789	Phạm Hải	Huy	20/01/2006	TC12A	Nam	01				ĐK
21	000021	1201011291	Bùi Thị	Lan	26/11/2005	TC12A	Nữ	01		2,0	Lan	
22	000022	1201030910	Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	TC12A	Nữ	01		5,0	Linh	
23	000023	1201011595	Nghiêm Thùy	Linh	11/11/2006	TC12A	Nữ	01		4,5	Linh	
24	000024	1201011303	Nguyễn Hà	Linh	25/09/2006	TC12A	Nữ	01				HP,ĐK
25	000025	1201011305	Nguyễn Khánh	Linh	20/06/2006	TC12A	Nữ	01		5,5	Linh	
26	000026	1201011316	Trịnh Lê Khánh	Linh	16/01/2006	TC12A	Nữ	01		5,5	Linh	
27	000027	1201030939	Vũ Khánh	Linh	25/01/2006	TC12A	Nữ	01		5,5	Khánh	
28	000028	1201011328	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/09/2006	TC12A	Nữ	01		5,0	Mai	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1201011329	Phạm Ngọc	Mai	27/05/2006	TC12A	Nữ	01		3,5	Mai	
30	000030	1201011332	Bùi Tiến	Minh	19/12/2006	TC12A	Nam	01		6,0	Mai	
31	000031	1201011334	Đinh Nhật	Minh	25/11/2006	TC12A	Nam	01		6,0	Mai	
32	000032	1201011349	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/2006	TC12A	Nữ	01		4,0	Ngân	
33	000033	1201030994	Bùi Minh	Ngọc	06/09/2006	TC12A	Nữ	01		5,5	Ngọc	
34	000034	1201011354	Lưu Minh	Ngọc	17/10/2006	TC12A	Nữ	01		5,0	Ngọc	
35	000035	1201011358	Dư Thị Thảo	Nguyễn	17/01/2006	TC12A	Nữ	01		5,0	Nguyễn	
36	000036	1201011362	Bùi Phan Hà	Nhi	17/03/2006	TC12A	Nữ	01				HP, ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: ... 32.

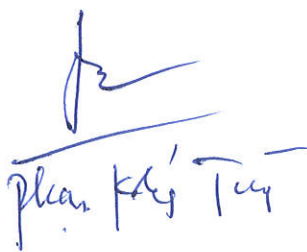
Tổng số tờ giấy thi:

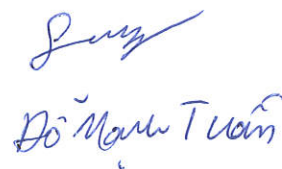
Tổng số biên bản:

Ngày 08 tháng 6 năm 2016.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Phan Kỳ Túy


Đỗ Mạnh Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000042	1201011155	Giang Đức	Anh	25/09/2006	NH12A	Nam	02				ĐK
2	000043	1201011156	Hoàng Diệp	Anh	09/01/2006	NH12A	Nữ	02		3,0	✓	
3	000044	1201011158	Hoàng Mai	Anh	22/05/2006	NH12A	Nữ	02		2,0	✓	M. Anh
4	000045	1201011652	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	Nữ	02		3,5	✓	Q. Anh
5	000046	1201011640	Nguyễn Duy	Anh	12/11/2006	NH12A	Nam	02				HP, ĐK
6	000047	1201011172	Nguyễn Phương	Anh	01/08/2006	NH12A	Nữ	02		3,0	✓	Anh
7	000048	1201010731	Phạm Thị Phương	Anh	31/12/2006	NH12A	Nữ	02		1,0	✓	
8	000049	1201011186	Võ Phan	Anh	01/03/2006	NH12A	Nam	02		3,5	✓	Anh
9	000050	1201011188	Hà Thị Nguyệt	Ánh	13/12/2006	NH12A	Nữ	02		4,0	✓	Anh
10	000051	1201011199	Đỗ Trung	Chiến	26/06/2005	NH12A	Nam	02		5,0	✓	Chiến
11	000052	1201011202	Đinh Hoàng	Đạt	16/08/2006	NH12A	Nam	02		6,5	✓	Đạt
12	000053	1201011206	Trần Quốc	Đạt	09/07/2006	NH12A	Nam	02		4,0	✓	Đạt
13	000054	1201011211	Lưu Mạnh	Dũng	10/10/2006	NH12A	Nam	02		5,0	✓	Dũng
14	000055	1201011221	Phạm Thị Hồng	Duyên	22/08/2006	NH12A	Nữ	02		3,0	✓	Duyên
15	000056	1201011232	Bùi Hoàng	Hải	07/08/2006	NH12A	Nam	02		3,5	✓	Hải
16	000057	1201011240	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	Nữ	02		3,0	✓	Hằng
17	000058	1201011252	Nguyễn Vi	Hiệp	26/05/2006	NH12A	Nam	02		5,0	✓	Hiệp
18	000059	1201011795	Đinh Việt	Hùng	26/02/2005	NH12A	Nam	02		7,0	✓	Hùng
19	000060	1201011276	Lê Quang	Huy	26/06/2005	NH12A	Nam	02		5,5	✓	Huy
20	000061	1201011367	Đỗ Hồng	Nhung	16/02/2006	TC12A	Nữ	02		5,5	✓	Nhung
21	000062	1201011380	Hoàng Lan	Phương	13/08/2006	TC12A	Nữ	02				HP, ĐK
22	000063	1201011382	Nguyễn Nam	Phương	01/10/2006	TC12A	Nam	02		5,0	✓	Phương
23	000064	1201011391	Nguyễn Mạnh	Quyên	11/10/2006	TC12A	Nam	02		5,5	✓	Quyên
24	000065	1201011397	Trần Thái	Son	16/06/2006	TC12A	Nam	02				HP, ĐK
25	000066	1201011399	Đỗ Thanh	Tâm	16/09/2006	TC12A	Nữ	02		5,0	✓	Tâm
26	000067	1201011401	Nguyễn Minh	Tâm	07/05/2006	TC12A	Nữ	02		2,0	✓	Tâm
27	000068	1201011406	Hà Phương	Thảo	11/12/2004	TC12A	Nữ	02		5,0	✓	Thảo

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
28	000069	1201011413	Mai Tiến	Thọ	25/03/2006	TC12A	Nam	02		5,5	✓ Thọ	
29	000070	1201011423	Lê Thị	Thùy	09/09/2006	TC12A	Nữ	02		2,0	✓ Thùy	
30	000071	1201011630	Lưu Quỳnh	Trâm	16/07/2006	TC12A	Nữ	02		5,5	✓ Trâm	
31	000072	1201011437	Đỗ Hà	Trinh	04/11/2006	TC12A	Nữ	02		4,0	✓ Trinh	
32	000073	1201011440	Hoàng Ngọc	Tú	03/01/2006	TC12A	Nam	02		5,0	✓ Tú	
33	000074	1201011449	Nguyễn Xuân	Tùng	27/12/2006	TC12A	Nam	02		6,5	✓ Tùng	HP đã nộp

Tổng số sinh viên dự thi: 29.....

Tổng số tờ giấy thi: 1.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 8 tháng 6 năm 2026 ✓

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đoàn Văn Tuấn

Phạm Kỳ Tỷ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000075	1201011279	Nông Hoàng	Huy	20/05/2004	NH12A	Nam	03		6,5	Huy	
2	000076	1201011281	Vũ Đình	Huyền	07/08/2006	NH12A	Nam	03				HP,ĐK
3	000077	1201011809	Phạm Duy	Khánh	22/03/2006	NH12A	Nam	03		5,5	Khánh	
4	000078	1201011292	Nguyễn Thị	Lan	25/05/2006	NH12A	Nữ	03		4,0	Lan	
5	000079	1201011294	Đinh Thị Diệu	Linh	02/01/2006	NH12A	Nữ	03		5,0	Linh	
6	000080	1201011296	Hoàng Diệu	Linh	09/06/2006	NH12A	Nữ	03		4,5	Linh	
7	000081	1201011298	Hoàng Thùy	Linh	15/10/2005	NH12A	Nữ	03		3,0	Linh	
8	000082	1201011318	Vũ Diệu	Linh	30/08/2006	NH12A	Nữ	03		5,0	Linh	
9	000083	1201011336	Luyện Quang	Minh	01/10/2006	NH12A	Nam	03		5,5	Minh	
10	000084	1201011341	Nguyễn Hà	My	04/09/2006	NH12A	Nữ	03		1,5	My	
11	000085	1201011797	Lê Huy	Nam	10/02/2006	NH12A	Nam	03		6,0	Nam	
12	000086	1201011348	Nguyễn Thị	Ngân	28/04/2006	NH12A	Nữ	03		4,0	Ngân	
13	000087	1201011357	Đồng Minh	Nguyên	06/06/2006	NH12A	Nam	03		5,5	Nguyên	
14	000088	1201011620	Vũ Phương	Oanh	05/11/2006	NH12A	Nữ	03				ĐK
15	000089	1201011375	Nguyễn Tuấn	Phúc	27/04/2006	NH12A	Nam	03				HP,ĐK
16	000090	1201011378	Đàm Quỳnh	Phương	15/04/2006	NH12A	Nữ	03		5,5	Phương	
17	000091	1201011383	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29/09/2006	NH12A	Nữ	03		6,0	Phương	
18	000092	1201011393	Phí Như	Quỳnh	09/09/2006	NH12A	Nữ	03		8,0	Quỳnh	
19	000093	1201011395	Nguyễn Hùng	Son	16/08/2006	NH12A	Nam	03		5,5	Son	
20	000094	1201011415	Bùi Duy	Thông	05/02/2006	NH12A	Nam	03		5,5	Thông	
21	000095	1201011417	Lương Thị Khánh	Thư	30/03/2006	NH12A	Nữ	03		4,0	Thư	
22	000096	1201011425	Đặng Thu	Trà	04/11/2006	NH12A	Nữ	03		6,0	Trà	
23	000097	1201011631	Phan Anh	Tú	22/10/2006	NH12A	Nam	03		5,0	Tú	
24	000098	1201011444	Nguyễn Đắc	Tuấn	01/05/2006	NH12A	Nam	03		5,0	Tuấn	
25	000099	1201011632	Nguyễn Chí	Uy	25/07/2006	NH12A	Nam	03		5,0	Uy	
26	000100	1201011465	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/03/2006	NH12A	Nữ	03		5,5	Yến	
27	000101	1201031781	Doãn Thị Quỳnh	Anh	20/10/2006	QT12A	Nữ	03		5,0	Anh	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
28	000102	1201030710	Lưu Ngọc	Anh	11/11/2006	QT12A	Nữ	03		5,0	Anh	
29	000103	1201030715	Nguyễn Đức Duy	Anh	22/05/2006	QT12A	Nam	03				HP,ĐK
30	000104	1201030720	Nguyễn Phú	Anh	18/10/2006	QT12A	Nam	03		4,0	Anh	
31	000105	1201030730	Phạm Thị Mai	Anh	17/02/2006	QT12A	Nữ	03		3,0	Anh	
32	000106	1201030748	Doãn Quang	Bách	21/03/2006	QT12A	Nam	03		7,0	Bách	
33	000107	1201030767	Triệu Biên	Cương	27/05/2006	QT12A	Nam	03		3,5	Cương	
34	000108	1201030774	Nguyễn Thành	Đạt	08/11/2006	QT12A	Nam	03				HP,ĐK
35	000109	1201030808	Vũ Thị	Duyên	12/02/2006	QT12A	Nữ	03		5,0	Duyên	
36	000110	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	Nam	03				HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 30....

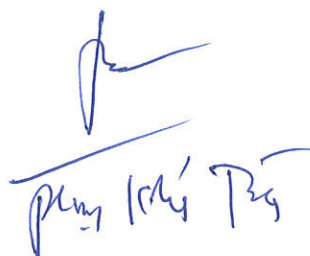
Tổng số tờ giấy thi:.....

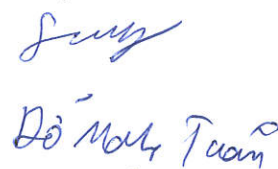
Tổng số biên bản:.....

Ngày 08. tháng 6. năm 2026.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Phạm Thị Tuyền


Đỗ Minh Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000111	1201031548	Đỗ Ngọc	Hà	08/12/2006	QT12A	Nam	04		6,0	Hà	
2	000112	1201031775	Phạm Thị	Hường	01/02/2006	QT12A	Nữ	04		7,0	Hường	
3	000113	1201030879	Đỗ Nam	Khánh	13/03/2006	QT12A	Nam	04				HP, ĐK
4	000114	1201030972	Vũ Phạm Đức	Minh	28/12/2006	QT12A	Nam	04		5,5	Đức	
5	000115	1201031009	Nguyễn Quỳnh	Như	04/06/2006	QT12A	Nữ	04		3,5	Như	HP đã nộp
6	000116	1201031794	Nguyễn Thị Văn	Phương	11/06/2005	QT12A	Nữ	04		5,0	Phương	HP đã nộp
7	000117	1201031043	Nguyễn Duy	Sang	22/07/2006	QT12A	Nam	04		3,0	Sang	
8	000118	1201031056	Trương Công	Thành	13/01/2001	QT12A	Nam	04		7,0	Thành	
9	000119	1201031070	Hồ Thị	Thoa	05/05/2006	QT12A	Nữ	04		3,0	Thoa	
10	000120	1201030706	Lê Đức	Anh	02/03/2006	QT12B	Nam	04		4,0	Anh	HP đã nộp
11	000121	1201030712	Mai Đức	Anh	01/02/2006	QT12B	Nam	04		7,0	Đức	
12	000122	1201030733	Quách Thị Phương	Anh	07/10/2006	QT12B	Nữ	04		7,0	Anh	
13	000123	1201030749	Phạm Băng	Băng	13/06/2006	QT12B	Nữ	04		6,0	Băng	
14	000124	1201030770	Trịnh Đình	Cường	08/12/2005	QT12B	Nam	04				HP, ĐK
15	000125	1201030782	Nguyễn Anh	Đức	11/03/2005	QT12B	Nam	04		5,0	Đức	
16	000126	1201030790	Hoàng Ngọc	Dung	15/05/2006	QT12B	Nữ	04		4,5	Dung	
17	000127	1201030800	Nguyễn Khánh	Dương	21/05/2006	QT12B	Nam	04		5,0	Dương	
18	000128	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	Nam	04		5,5	Duy	HP đã nộp
19	000129	1201030818	Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	QT12B	Nữ	04		6,0	Hằng	
20	000130	1201030832	Hà Văn	Hiếu	24/04/2006	QT12B	Nam	04				ĐK
21	000131	1201030841	Nguyễn Thị	Hoa	11/07/2006	QT12B	Nữ	04		5,0	Hoa	HP đã nộp
22	000132	1201030851	Cao Đình	Huân	24/08/2006	QT12B	Nam	04		4,5	Huân	
23	000133	1201030852	Nguyễn Thị	Huệ	11/07/2006	QT12B	Nữ	04		4,0	Huệ	
24	000134	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	Nam	04		3,0	Hùng	
25	000135	1201031650	Nguyễn Trung	Hung	18/10/2006	QT12B	Nam	04		4,5	Hung	
26	000136	1201030868	Nguyễn Quang	Huy	09/07/2006	QT12B	Nam	04		5,0	Huy	
27	000137	1201030882	Nguyễn Duy	Khánh	03/06/2006	QT12B	Nam	04		7,0	Khánh	
28	000138	1201031636	Nguyễn Trung	Kiên	29/09/2003	QT12B	Nam	04		4,0	Kiên	
29	000139	1201030909	Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	QT12B	Nữ	04		2,0	Linh	
30	000140	1201030931	Phạm Thùy	Linh	15/02/2006	QT12B	Nữ	04		5,0	Linh	
31	000141	1201030934	Tô Thị Yến	Linh	25/12/2006	QT12B	Nữ	04		3,5	Linh	

Tổng số sinh viên dự thi: 28...

Ngày 8 tháng 6 năm 2026

Tổng số tờ giấy thi: 2...

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản: 2...

Đỗ Mạnh Tuấn

Phạm Thị Yến



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000142	1201030695	Đỗ	Thành An	12/12/2006	QM12A	Nam	05		5,0		
2	000143	1201031779	Nguyễn Thị	Vân Anh	12/08/2006	QM12A	Nữ	05		6,0	Anh	
3	000144	1201030729	Phạm	Phương Anh	09/01/2006	QM12A	Nữ	05		6,0	Anh	
4	000145	1201030740	Vũ	Đặng Châu Anh	30/04/2005	QM12A	Nữ	05		6,5	Anh	
5	000146	1201030753	Lý	Mạnh Cao	22/10/2006	QM12A	Nam	05		5,0		
6	000147	1201030756	Nguyễn	Minh Châu	07/02/2006	QM12A	Nữ	05		4,0	Châu	
7	000148	1201030766	Đoàn	Đại Cương	08/09/2006	QM12A	Nam	05		5,0	Cường	
8	000149	1201030781	Ngô	Minh Đức	30/07/2006	QM12A	Nam	05		4,0		
9	000150	1201030787	Phạm	Văn Đức	26/09/2006	QM12A	Nam	05		6,0	Đức	
10	000151	1201030796	Đặng	Thùy Dương	02/10/2006	QM12A	Nữ	05		5,0		
11	000152	1201030807	Trương Thị	Mỹ Duyên	10/09/2006	QM12A	Nữ	05		3,5	Duyên	
12	000153	1201031643	Nguyễn	Trường Giang	24/03/2004	QM12A	Nam	05				HP, ĐK
13	000154	1201030813	Phí	Thu Hà	23/10/2006	QM12A	Nữ	05		5,0	Hà	
14	000155	1201030949	Đào Thị	Cầm Ly	02/10/2006	QM12A	Nữ	05		5,0	Ly	
15	000156	1201030947	Nguyễn Hữu	Thành Luân	28/04/2006	QT12B	Nam	05		6,0	Luân	
16	000157	1201030970	Trần	Quang Minh	08/02/2006	QT12B	Nam	05		7,0	Minh	
17	000158	1201031560	Lê	Đặng Trà My	20/10/2006	QT12B	Nữ	05		5,0	My	
18	000159	1201030983	Trịnh	Kế Năng	09/01/2005	QT12B	Nam	05		5,0	Năng	
19	000160	1201030995	Doãn	Thị Ngọc	10/09/2006	QT12B	Nữ	05		8,0	Ngọc	HP
20	000161	1201031003	Nguyễn Thị	Minh Nguyệt	01/10/2006	QT12B	Nữ	05		5,5	Nguyệt	
21	000162	1201031038	Nguyễn Thị	Thu Quyên	21/03/2006	QT12B	Nữ	05		4,5	Quyên	
22	000163	1201031051	Dương	Duy Thái	01/09/2006	QT12B	Nam	05		5,0	Thái	
23	000164	1201031057	Đào Thị	Phương Thảo	28/10/2006	QT12B	Nữ	05		6,0	Thảo	
24	000165	1201031071	Đặng	Kim Thu	10/10/2006	QT12B	Nữ	05		4,0	Thu	
25	000166	1201031574	Đào	Thanh Trà	23/11/2006	QT12B	Nữ	05		6,0	Trà	
26	000167	1201031099	Nguyễn Thị	Hồng Trang	26/05/2006	QT12B	Nữ	05		4,5	Trang	
27	000168	1201031107	Trịnh	Thùy Trang	21/09/2006	QT12B	Nữ	05		5,0	Trang	
28	000169	1201031127	Trần	Anh Tuyên	05/05/2006	QT12B	Nam	05		7,0	Tuyên	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
29	000170	1201031132	Hà Thị Mỹ	Uyên	19/10/2006	QT12B	Nữ	05		4,5		Uyên
30	000171	1201031150	Lê Ngọc	Yên	31/01/2006	QT12B	Nữ	05		5,5		Yên
31	000172	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	Nam	05		4,5	Ly	NR
32	000173	1201030765	Đặng Biên	Cương	14/04/2006	TM12A	Nam	05		5,0		Cương
33	000174	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	Nữ	06		6,0	Hằng	
34	000175	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	Nữ	06		5,5	My	
35	000176	1201020046	Đình Thu	An	07/12/2006	KD12A	Nữ	06		5,0	An	
36	000177	1201020058	Lê Phương	Anh	14/01/2006	KD12A	Nữ	06		5,0	Ph	

Tổng số sinh viên dự thi: 35

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:

Ngày 08 tháng 6 năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Thu

Đỗ Mạnh Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000178	1201020070	Nguyễn	Quế Anh	24/10/2006	KD12A	Nữ	06		5,0	Anh	
2	000179	1201020085	Trần	Diệu Anh	03/10/2006	KD12A	Nữ	06		5,5	Diệu Anh	
3	000180	1201021663	Đỗ Thị	Ngọc Ánh	10/01/2006	KD12A	Nữ	06		5,5	Ánh	
4	000181	1201020109	Phạm	Quỳnh Chi	19/06/2006	KD12B	Nữ	06		5,5	Chi	
5	000182	1201020127	Đỗ	Tiến Dũng	19/02/2006	KD12G	Nam	06		6,0	Dũng	
6	000183	1201030825	Nguyễn	Hữu Hào	23/11/2006	QM12A	Nam	06		5,5	Hào	
7	000184	1201030845	Phạm	Quốc Hoan	05/06/2006	QM12A	Nam	06		5,0	Hoan	NP
8	000185	1201030859	Đinh	Văn Hưng	14/04/2006	QM12A	Nam	06		6,5	Hưng	
9	000186	1201030865	Vũ	Thị Hương	17/09/2006	QM12A	Nữ	06		2,5	Hương	
10	000187	1201030901	Cao	Thị Hồng Liên	28/07/2006	QM12A	Nữ	06		2,0	Liên	
11	000188	1201030906	Đinh	Phương Linh	31/08/2006	QM12A	Nữ	06		5,0	Linh	
12	000189	1201030915	Nguyễn	Diệu Linh	18/08/2006	QM12A	Nữ	06		3,0	Linh	
13	000190	1201030922	Nguyễn	Thị Linh	19/08/2006	QM12A	Nữ	06				HP,ĐK
14	000191	1201030930	Phạm	Thị Khánh Linh	03/12/2006	QM12A	Nữ	06				HP,ĐK
15	000192	1201031742	Chu	Huy Long	02/06/2006	QM12A	Nam	06				ĐK
16	000193	1201030953	Nguyễn	Hoàng Tuyết Mai	05/08/2006	QM12A	Nữ	06		5,0	Mai	
17	000194	1201031649	Đinh	Quang Minh	02/10/1999	QM12A	Nam	06		4,5	Minh	
18	000195	1201030968	Phạm	Công Minh	23/07/2006	QM12A	Nam	06		5,5	Minh	NP
19	000196	1201030975	Nguyễn	Thị Trà My	08/10/2006	QM12A	Nữ	06		3,0	My	
20	000197	1201031661	Đặng	Khánh Ngọc	24/02/2006	QM12A	Nữ	06		2,5	Ngọc	
21	000198	1201031001	Đinh	Thị Minh Nguyệt	22/03/2006	QM12A	Nữ	06		2,0	Nguyệt	
22	000199	1201031015	Trần	Kim Oanh	19/09/2006	QM12A	Nữ	06		6,0	Oanh	
23	000200	1201031019	Dương	Thị Hà Phương	12/09/2006	QM12A	Nữ	06		4,5	Phương	
24	000201	1201031026	Phạm	Hà Phương	11/07/2006	QM12A	Nữ	06		5,5	Phương	
25	000202	1201031039	Vũ	Thị Lệ Quyên	02/08/2006	QM12A	Nữ	06		5,0	Quyên	
26	000203	1201031605	Trần	Hoài Sơn	15/09/2006	QM12A	Nam	06		8,0	Sơn	
27	000204	1201031053	Nguyễn	Văn Thái	05/06/2006	QM12A	Nam	06		7,5	Thái	
28	000205	1201031059	Đoàn	Thị Phương Thảo	28/09/2006	QM12A	Nữ	06				HP,ĐK
29	000206	1201031064	Nguyễn	Thị Phương Thảo	03/11/2006	QM12A	Nữ	06		3,5	Thảo	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
30	000207	1201031075	Trần Thị	Thu	12/08/2006	QM12A	Nữ	06		2,0	Thu	
31	000208	1201031078	Đỗ Thị	Thủy	29/10/2006	QM12A	Nữ	06		5,0	Đỗ Thị Thủy	HP
32	000209	1201031087	Lê Thị	Trà	15/05/2006	QM12A	Nữ	06				HP,ĐK
33	000210	1201031093	Ngô Thị Kiều	Trang	21/03/2006	QM12A	Nữ	06				HP,ĐK
34	000211	1201031112	Đặng Thị	Trinh	29/01/2006	QM12A	Nữ	06		5,5	Đặng Thị Trinh	
35	000212	1201031576	Nguyễn Như Cẩm	Tú	28/09/2006	QM12A	Nữ	06		6,5	Nguyễn Như Cẩm	
36	000213	1201031125	Nguyễn Xuân	Tùng	17/11/2006	QM12A	Nam	06		5,0	Nguyễn Xuân Tùng	

Tổng số sinh viên dự thi:...30....

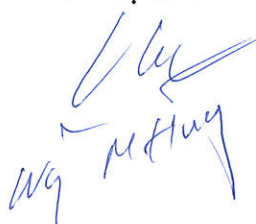
Tổng số tờ giấy thi:.....

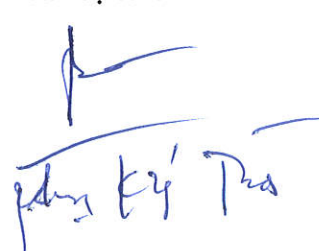
Tổng số biên bản:.....

Ngày ...08 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Nguyễn Huy


Phạm Kỳ Trà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000214	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	Nữ	07		6,0	Bình	
2	000215	1201030728	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2006	KD12A	Nữ	07		8,0	Anh	
3	000216	1201021692	Phạm Thành	Đạt	02/09/2006	KD12A	Nam	07		5,0	Đạt	
4	000217	1201020115	Đào Ngọc	Diệp	06/04/2006	KD12A	Nữ	07		5,0	Diệp	
5	000218	1201020135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/01/2006	KD12A	Nữ	07		4,0	Dương	HP Lã nộp
6	000219	1201021484	Đỗ Thị Hương	Giang	12/11/2006	KD12A	Nữ	07		5,5	Hương	
7	000220	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	Nữ	07		5,0	Hằng	
8	000221	1201021768	Ngô Thị	Hào	28/09/2006	KD12A	Nữ	07				ĐK
9	000222	1201020204	Lê Thị Trần	Huyền	05/07/2006	KD12A	Nữ	07		4,0	Huyền	
10	000223	1201020212	Nguyễn Thu	Huyền	01/01/2006	KD12A	Nữ	07		4,0	Huyền	
11	000224	1201020218	Nguyễn Lê Đăng	Khánh	14/07/2006	KD12A	Nam	07		5,0	Khánh	
12	000225	1201020231	Nguyễn Lê Phương	Lan	16/12/2006	KD12A	Nữ	07		2,0	Lan	
13	000226	1201021763	Đặng Thị Thùy	Linh	28/09/2006	KD12A	Nữ	07		3,5	Linh	
14	000227	1201020646	Đinh Thị Diệu	Linh	16/08/2006	KD12A	Nữ	07		3,0	Diệu	
15	000228	1201020251	Nguyễn Thái Thùy	Linh	05/05/2006	KD12A	Nữ	07				HP, ĐK
16	000229	1201021495	Phạm Phương	Linh	19/07/2006	KD12A	Nữ	07		5,0	Linh	
17	000230	1201020267	Trần Hồng	Loan	25/07/2006	KD12A	Nữ	07		5,5	Loan	
18	000231	1201020288	Nguyễn Thị Như	Mai	25/11/2006	KD12A	Nữ	07		4,5	Mai	
19	000232	1201021497	Đoàn Thị Thu	Nga	29/07/2006	KD12A	Nữ	07		3,0	Nga	
20	000233	1201020311	Lê Thị	Ngân	02/04/2006	KD12A	Nữ	07		5,5	Ngân	
21	000234	1201021500	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	05/10/2006	KD12A	Nữ	07		5,5	Ngọc	
22	000235	1201021000	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	26/10/2006	KD12A	Nữ	07		5,0	Ngọc	
23	000236	1201020350	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/03/2006	KD12A	Nữ	07		5,5	Oanh	
24	000237	1201021787	Lý Thu	Phương	14/10/2006	KD12A	Nữ	07				ĐK
25	000238	1201020367	Vũ Minh	Quang	25/08/2005	KD12A	Nam	07				HP, ĐK
26	000239	1201020384	Đàm Thanh	Thảo	02/08/2005	KD12A	Nữ	07				ĐK
27	000240	1201020395	Trần Thị Thanh	Thảo	04/09/2006	KD12A	Nữ	07		5,5	Thảo	
28	000241	1201020399	Đỗ Thị	Thu	30/08/2005	KD12A	Nữ	07		5,5	Thu	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
29	000242	1201020419	Vũ Thị Thu	Thủy	22/07/2006	KD12A	Nữ	07		7,0	Thủy	
30	000243	1201020428	Đinh Quỳnh	Trang	09/10/2006	KD12A	Nữ	07				ĐK
31	000244	1201020448	Phạm Hà	Trang	11/12/2006	KD12A	Nữ	07		7,0	Trang	
32	000245	1201021517	Vũ Thị Thu	Trang	19/07/2006	KD12A	Nữ	07		5,0	Trang	
33	000246	1201020470	Phạm Hồng	Vân	31/12/2006	KD12A	Nữ	07		5,5	Vân	
34	000247	1201020479	Lê Thị	Vui	04/12/2005	KD12A	Nữ	07		5,0	Vui	
35	000248	1201020197	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/11/2006	KD12B	Nữ	07		4,0	Hương	
36	000249	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	QT12A	Nam	07				ĐK
37	000250	1201031733	Bùi Đăng Minh	Hiên	08/10/2006	QT12A	Nam	07		5,0		
38	000251	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	Nữ	07		3,0		HP đăng
39	000252	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	Nam	07		4,5	Quý	HP đăng

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 1

Tổng số biên bản: 0

Ngày 8 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Minh Tuấn

Phạm Kỳ Ty



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000253	1201031536	Nguyễn Trâm	Anh	09/02/2006	QM12B	Nữ	08		4,0	Anh	HP đã nộp
2	000254	1201031668	Trần Đức	Anh	27/09/2006	QM12B	Nam	08		5,5	Đức	
3	000255	1201030739	Trương Thị Mai	Anh	08/12/2006	QM12B	Nữ	08		5,0	Mai	
4	000256	1201030741	Vũ Lan	Anh	17/02/2006	QM12B	Nữ	08		5,0	Anh	
5	000257	1201030754	Phan Thùy	Châm	08/05/2006	QM12B	Nữ	08		5,0	Châm	
6	000258	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	QM12B	Nữ	08		6,5	Chiều	
7	000259	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	QM12B	Nữ	08		6,0	Dương	
8	000260	1201030799	Lê Đăng	Dương	04/08/2006	QM12B	Nam	08				HP vắng
9	000261	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	QM12B	Nữ	08		6,5	Giang	
10	000262	1201030811	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21/11/2006	QM12B	Nữ	08		6,5	Hà	
11	000263	1201030824	Lê Thanh	Hào	17/12/2006	QM12B	Nữ	08		5,0	Hào	
12	000264	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiên	07/08/2006	QM12B	Nữ	08		5,5	Hiên	
13	000265	1201031674	Chu Mạnh	Hùng	15/01/2006	QM12B	Nam	08		7,0	Hùng	
14	000266	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	Nữ	08		5,0	Huyền	
15	000267	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	Nam	08		6,5	Kiên	
16	000268	1201031764	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/2006	QT12C	Nam	08		5,0	Hoàng	HP đã nộp
17	000269	1201030873	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/04/2006	QT12C	Nữ	08		4,5	Khánh	
18	000270	1201030926	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/2006	QT12C	Nữ	08		7,0	Linh	
19	000271	1201030946	Vũ Xuân Hoàng	Long	15/02/2006	QT12C	Nam	08		5,0	Long	
20	000272	1201030950	Dương Ánh	Ly	07/08/2006	QT12C	Nữ	08		6,0	Ly	
21	000273	1201030959	Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2006	QT12C	Nam	08		7,0	Mạnh	
22	000274	1201030971	Trịnh Bảo	Minh	15/07/2006	QT12C	Nam	08				HP, ĐK
23	000275	1201030974	Nguyễn Thị Trà	My	10/03/2006	QT12C	Nữ	08		5,5	My	
24	000276	1201030997	Lê Hà Tuấn	Ngọc	21/08/2006	QT12C	Nam	08		7,0	Ngọc	
25	000277	1201031007	Phạm Thị Yến	Nhi	03/09/2006	QT12C	Nữ	08		5,5	Nhi	
26	000278	1201031041	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/09/2006	QT12C	Nữ	08				HP, ĐK
27	000279	1201031096	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/01/2006	QT12C	Nữ	08		5,5	Trang	
28	000280	1201031101	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/10/2006	QT12C	Nữ	08		4,0	Trang	
29	000281	1201031121	Phạm Đức Thái	Tuấn	28/09/2006	QT12C	Nam	08		6,5	Tuấn	
30	000282	1201031129	Nguyễn Văn	Ước	28/03/2006	QT12C	Nam	08		6,0	Ước	

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày 8 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Mạnh Tuấn

Phạm Thị Yến



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000283	1001060366	Trần Khánh	Huyền	23/11/2004	KA10A	Nữ	09		6,5	Huyền	
2	000284	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	Nam	09		6,0	An	
3	000285	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	Nữ	09		7,0	Anh	
4	000286	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	Nữ	09		5,5	Duyên	
5	000287	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	Nữ	09		5,5	Giang	
6	000288	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	Nữ	09		6,5	Hoa	
7	000289	1201060505	Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	Nam	09		6,0	Hoàng	
8	000290	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	Nam	09		5,5	Huy	
9	000291	1201060507	Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	Nam	09				HP,ĐK
10	000292	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	Nữ	09		4,0	Anh	
11	000293	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	Nữ	09		3,0	Anh	
12	000294	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	Nữ	09		5,0	Thùy	
13	000295	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	Nữ	09		4,0	Yến	
14	000296	1201020338	Tăng Hoàng Yến	Nhi	27/05/2006	KD12B	Nữ	09		5,0	Nhi	
15	000297	1101030537	Lưu Thu	Hà	23/01/2005	QM12B	Nữ	09		7,0	Hà	
16	000298	1201030914	Ngô Thị	Linh	04/01/2006	QM12B	Nữ	09		7,5	Linh	
17	000299	1201030916	Nguyễn Hà Khánh	Linh	05/09/2006	QM12B	Nữ	09		7,0	Linh	
18	000300	1201030924	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/11/2006	QM12B	Nữ	09		7,0	Linh	
19	000301	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	Nữ	09		6,5	Linh	
20	000302	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	Nữ	09		6,5	Linh	
21	000303	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	Nữ	09		6,5	Linh	HP đã nộp
22	000304	1201031679	Lâm Khánh Bảo	Long	12/04/2006	QM12B	Nam	09		7,5	Long	HP đã nộp
23	000305	1201030964	Nguyễn Hoàng	Minh	13/03/2006	QM12B	Nam	09		5,0	Minh	
24	000306	1201030993	Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	Nữ	09		6,5	Ngoan	
25	000307	1201030999	Lương Minh	Ngọc	22/07/2006	QM12B	Nữ	09		5,0	Ngọc	
26	000308	1201031766	Nguyễn Thị	Oanh	11/06/2006	QM12B	Nữ	09		7,0	Oanh	
27	000309	1201031017	Trần Hồng	Phúc	31/10/2006	QM12B	Nam	09		5,0	Phúc	
28	000310	1201031027	Đinh Thị	Phượng	02/09/2006	QM12B	Nữ	09				ĐK

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
29	000311	1201031036	Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	Nam	09		4,5	Quang	
30	000312	1201030667	Đỗ Ngọc	Sáng	22/11/2006	QM12B	Nam	09		6,5	Sáng	
31	000313	1201031046	Phạm Thái	Son	21/07/2006	QM12B	Nam	09		7,5	Son	
32	000314	1201031569	Lê Thanh	Tâm	06/06/2006	QM12B	Nữ	09		5,0	Tâm	HP đã nộp
33	000315	1201031077	Ngô Thị Minh	Thuy	11/09/2006	QM12B	Nữ	09		5,0	Thuy	
34	000316	1201031079	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/07/2006	QM12B	Nữ	09		7,0	Thủy	
35	000317	1201031082	Nguyễn Thu	Thúy	16/12/2006	QM12B	Nữ	09		6,5	Thúy	
36	000318	1201031085	Nguyễn Văn	Tiến	14/06/2006	QM12B	Nam	09		7,0	Tiến	HP đã nộp
37	000319	1201031091	Hà Kiều	Trang	06/06/2003	QM12B	Nữ	09		5,5	Trang	
38	000320	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	Nữ	09		5,0	Trang	
39	000321	1201031575	Nguyễn Việt	Trinh	19/09/2006	QM12B	Nữ	09		7,0	Trinh	

Tổng số sinh viên dự thi: 37

Tổng số tờ giấy thi: 7

Tổng số biên bản: 2

Cán bộ coi thi 1

la
ng m/huy

Ngày 8 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 2

luy
Đỗ Nam Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Giáo dục thể chất HP3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000322	1201060515	Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	Nam	10		5,5		HP
2	000323	1201060517	Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	Nữ	10		5,5	Nga	
3	000324	1201060519	Lê Thái	Nguyên	25/10/2006	KA12A	Nam	10		6,5	Nguyên	
4	000325	1201060523	Đào Thị	Quỳnh	16/05/2006	KA12A	Nữ	10		6,0	Quỳnh	
5	000326	1201060524	Phạm Thanh	Tâm	17/07/2006	KA12A	Nữ	10		5,0	Tâm	
6	000327	1201060525	Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	KA12A	Nữ	10		3,0	Thảo	
7	000328	1201060527	Bùi Ánh	Thư	25/07/2006	KA12A	Nữ	10		5,0	Thư	
8	000329	1201060529	Đoàn Phúc	Toàn	01/11/2005	KA12A	Nam	10		3,5	Toàn	
9	000330	1201060532	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/05/2006	KA12A	Nữ	10		6,0	Trang	
10	000331	1201060533	Nguyễn Đức	Trung	12/02/2006	KA12A	Nam	10		5,5	Trung	
11	000332	1201060535	Vũ Duy	Vũ	23/06/2006	KA12A	Nam	10		6,0		
12	000333	1201060537	Vũ Thị Thảo	Vy	16/11/2005	KA12A	Nữ	10		4,0	Vy	
13	000334	1201020071	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/11/2006	KC12A	Nữ	10		6,0	Anh	
14	000335	1201020082	Phạm Trần Hải	Anh	11/11/2006	KC12A	Nữ	10		4,5	Anh	
15	000336	1201020121	Đỗ Trung	Đoàn	20/11/2006	KC12A	Nam	10		5,0	Đoàn	
16	000337	1201020122	Bùi Minh	Đức	22/05/2006	KC12A	Nam	10		7,5	Đức	
17	000338	1201020124	Lục Hoàng Thùy	Dung	02/07/2006	KC12A	Nữ	10		5,5	Dung	
18	000339	1201020282	Bùi Thanh	Mai	27/07/2006	KC12A	Nữ	10		6,0	Mai	
19	000340	1201020294	Lê Quang	Minh	25/09/2003	KC12A	Nam	10				HP,ĐK
20	000341	1201020472	Nguyễn Huyền	Vi	17/09/2006	KC12A	Nữ	10		6,0	Vi	
21	000342	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	Nữ	10		5,5	Liên	HP
22	000343	1201021806	Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	Nữ	10		4,5		
23	000344	1201021672	Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	Nữ	10		3,0	Anh	
24	000345	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	Nữ	10		5,0	Nh	
25	000346	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	Nữ	10		4,5	Chi	
26	000347	1201021477	Phạm Lê	Diễm	23/06/2006	KD12D	Nữ	10		5,0	Diễm	
27	000348	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	Nữ	10		5,5	Dung	

Tổng số sinh viên dự thi: ...26...

Tổng số tờ giấy thi:

Tổng số biên bản:0

Ngày .8... tháng .6. Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2